

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

**CÁC CẶP TỪ "BÂY-MÂY", "CHỊ-CHẾ", "ANH-HIA"
TRONG XUNG HỒ CỦA NGƯỜI MIỀN TÂY NAM BỘ
SYNONYMICAL COUPLES "BÂY-MÂY", "CHỊ-CHẾ", "ANH-HIA"
IN ADDRESSING OF THE SOUTH - WESTERN OF VIETNAM**

HỒ XUÂN MAI

(TS, Viện KHXH vùng Nam Bộ)

Abstract

The three couple address words “*bây-mây*”, “*chị-chế*” and “*anh-hia*” are very popular in the south – western of Vietnam. Except the borrowed words “*chế*” and “*hia*”, the other four are purely Vietnamese. The all three couples “*bây-mây*”, “*chị-chế*” and “*anh-hia*” contain the character of the people in this area.

1. Mở đầu

Từ xưng hô của mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc phụ thuộc rất nhiều yếu tố mà trước hết là văn hóa của cộng đồng đó. Chúng ta thấy người Anh sử dụng “you” cho tất cả các đối tượng trực tiếp tham gia giao tiếp. Đặc điểm này khác với người Việt. Chúng ta bắt buộc phải phân biệt *anh/ chị/ ông/ bà/ bạn/ chú/ cô...* chứ không thể “dồn” vào một từ. Văn hóa của người Việt không chấp nhận điều đó. Có lẽ vì thế mà số lượng từ xưng hô của người Việt nhiều hơn so với người Anh; và giữa các dân tộc có sự sử dụng các đơn vị từ ngữ là khác nhau? Và có phải vì thế mà nhìn vào lớp từ xưng hô của một cộng đồng, chúng ta có thể đoán biết được phần nào văn hóa của họ? Ngay trong một quốc gia, đặc điểm xưng hô và từ xưng hô cũng không giống nhau giữa các vùng miền. Chẳng hạn, ở Việt Nam, một từ “bác” của người miền Bắc chắc chắn không giống với người miền Nam. Bởi lẽ, ở đó “bác” có thể được sử dụng để chỉ người đàn ông lớn hơn về tuổi hoặc là anh ruột của cha; cũng có thể được dùng để chỉ người phụ nữ là chị hoặc/ và em của cả cha lẫn mẹ, tức là cô hoặc dì theo cách gọi toàn dân. Do vậy, chúng ta có thể xếp từ xưng hô của một

ngôn ngữ thành hai lớp: lớp từ xưng hô toàn dân, và lớp khác là của mỗi vùng/miền.

Bài viết của chúng tôi đề cập đến từ xưng hô của cư dân vùng sông nước Tây Nam bộ (TNB), bởi cùng là từ toàn dân nhưng khi cư dân ở đây sử dụng thì nó mang đậm nét văn hóa của họ. Tuy nhiên, do phạm vi của đối tượng quá rộng, chúng tôi chỉ khảo sát một vấn đề cụ thể là *tôn ti* và *thân - sơ* trong xưng hô của người miền TNB qua ba cặp từ “*bây-mây*”, “*chị-chế*” và “*anh-hia*”. Khi nào thì người TNB gọi người đối diện là “*bây*” và khi nào thì gọi là “*mây/ mây*”? Và giữa “*bây*” và “*mây/ mây*” có gì khác biệt? Tương tự, bài viết cũng sẽ tìm câu trả lời cho hai cặp từ còn lại.

Trong sáu từ này, hai từ “*chế*” và “*hia*” là những từ vay mượn của người Hoa NB. Còn mượn khi nào, đầu tiên xuất hiện ở địa phương nào thì có lẽ cần phải có nhiều thời gian để nghiên cứu.

Nguồn tư liệu để phân tích trong bài viết này được thu thập ở các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Kiên Giang và Cà Mau. Để khách quan, chúng tôi chỉ chọn những câu xuất hiện trong những hoàn cảnh ngẫu nhiên và ngữ cảnh là những cuộc nói chuyện. Kết quả thu được gồm 500 câu có “*bây*”;

1.200 câu có “mày/mậy”; 600 câu có “chị”, 300 câu có “chế”; 400 câu có “hia” và 700 câu có “anh”.

2. Việc sử dụng các cặp "bây-mậy", "chị-chế", "anh-hia"

2.1. “Bây-mậy” và đặc điểm sử dụng

“Bây-mậy” là từ địa phương, biến thể của bay/mậy toàn dân. Trong “Tắt đèn”, Ngô Tất Tố viết:

1.(a) *Chị Dậu* nghiêng hai hàm răng:

- *Mày* vào trời ngay chồng bà đi, bà cho *mày* xem! và:

(b) - Không à? Cha đẻ mẹ *mày*! Chém cha con đẻ mẹ *mày*! (“Tắt đèn”, Ngô Tất Tố, NXB. Đà Nẵng, 2002, tr. 149-150).

Trong “*Phụ nữ Tân văn*”, số 2, 1929, câu:

(c) - *Bây* không nghe lời qua thì *bây* giờ *bây* phải chịu.

Tổ Hữu, trong bài “*Từ Cuba*”, đã viết:

(d) - Ô hay! *Bay* vẫn ngu hoài vậy

Chẳng thấy *Cuba* đứng đậy à?

(Những từ in nghiêng trong những đoạn trích ở trên là do chúng tôi nhấn mạnh).

Đặc điểm của những từ này là thể hiện mối quan hệ ngang bằng giữa các đối tượng.

2.1.1. “Bây-mậy” và quan hệ em chồng/ vợ

Với người Tây Nam bộ, nếu xác định vai vế hoặc tuổi tác bằng nhau thì họ cũng thường sử dụng cách xưng hô này. Ưu điểm lớn nhất của cách xưng hô này là tỏ thái độ thân mật, gần gũi và suồng sã - một thái độ rất *khẩu ngữ* và cũng rất *Nam bộ*. Điều cần lưu ý là, hiện vẫn tồn tại cách xưng hô “*mày-tao*” trong quan hệ vợ chồng ở cư dân vùng sông nước này^(*). Chính cách xưng hô này đã khiến chúng ta phải đặt câu hỏi: khi anh rể gọi em gái của vợ, khi chị dâu gọi em (traí) chồng, thì “*bây*” và “*mậy*” được sử dụng như thế nào? Trả lời câu hỏi này cũng chính là “*giải mã*” một phần văn hóa của người TNB nói riêng, văn hóa Nam bộ nói chung.

Người chồng trong một gia đình ở TNB có thể gọi vợ bằng “*mậy*” và đó không phải là thiếu văn hóa hay sỗ sàng, mà đơn giản là thói quen, là *văn hóa* của họ. Gặp bất kỳ người nào ngang bằng hoặc nhỏ hơn thì họ cũng gọi “*mậy*” rất tự nhiên, rất thân mật. Thế nhưng, với em gái của vợ, tuy cũng nhỏ tuổi hơn (nhưng trên mười tuổi), người

anh rể không tùy tiện gọi là “*mậy*”. Lí do rất đơn giản: ông anh rể ấy đã gọi chị của cô gái kia là “*mậy*”; nếu lại gọi em (gái) của vợ như thế thì *không tiện*. Nhưng vì thói quen không mấy khi gọi em gái của vợ bằng “*dì*”, cũng *không mấy khi* gọi bằng “*em*” vì cách xưng hô này trùng với cách xưng hô vợ chồng, nên cách gọi duy nhất phù hợp của anh rể lúc này là “*bây*”.

2. (a) *Anh rể*: Con Ngọc *bây* còn cơm không?

Em (gái) vợ: Anh Hai đối hả? Bộ chị Hai không nấu cơm sao?

Anh rể: Chị Hai *bây* đi qua ông Tám, tao làm biếng nấu nên đối.

Nhưng nếu đối tượng giao tiếp là em trai của vợ thì cách xưng hô hoàn toàn “*tự do*” hơn.

(b) *Anh rể*: *Mậy* lấy xe tao chờ ông cò về, *Dân*!

Em (traí) vợ: Thôi, em chạy xe tay ga không quen!

Anh rể: *Mậy* xạo thì có!

2.1.2. “Bây-mậy” và quan hệ chị chồng- em dâu, chị dâu-em chồng, chị vợ- em rể

Chị dâu gọi em gái của chồng bằng “*cô*”, hay “*mậy*” với em trai của chồng đều được, bởi về vai vế, người chị có quyền như thế. Tuy nhiên, kết quả có được cho thấy, chị dâu thường sử dụng “*bây*” với em trai của chồng, và “*bây*” ở từ lặp lại đối với em gái của chồng. Ví dụ:

3.(a) *Chị dâu*: *Bây* chờ dứa giao cho cô Năm chưa Ngọc?

Em (traí) chồng: Chưa chị Ba ơi! Lát nữa đi luôn.

Chị dâu: *Bây* làm sao chờ cô Năm chửi à ghen!

Có thể thay “*bây*” trong ví dụ trên bằng “*mậy*”.

(a’) *Chị dâu*: *Mậy* chờ dứa giao cho cô Năm chưa Ngọc?

...

Chị dâu: *Mậy* làm sao chờ cô Năm chửi à ghen!

Thế nhưng, do chỗ *té nhị, không tiện* trong quan hệ và trong tuổi tác, người chị dâu đã phải sử dụng cách nói *văn hóa của người TNB* như trong (a) mà không sử dụng cách nói trong (a’). Theo khảo sát của chúng tôi, cách gọi như trong (a) chiếm 77% những câu thu thập được.

Nếu em chồng là gái, cách xưng hô “thoái mái” hơn.

(b) *Chị dâu*: Con Diễm *bây* đi chợ chưa?

Em (gái) chồng: Chờ tí về lấy xe...

Chị dâu: *Mây* lợi bộ cũng được, có xa gì đâu!

Nếu không lặp lại trong câu thì chị dâu gọi em (gái) của chồng là “*mây*” mà vẫn không “vi phạm luật xưng hô” giữa chị dâu với em chồng.

(c) *Chị dâu*: *Mây* hót tóc hồi nào vậy Nhã? Coi bộ đẹp à nghen!

Em (gái) chồng: Hót hôm nay rồi...

Chị dâu: *Mây* có qua đây đâu mà tao thấy!

Kết quả cho thấy: có 66% số câu được chị dâu nói theo cả hai cách như trên.

Chị chồng cũng không mấy khi gọi em dâu bằng “*mây*”, mà thường phải gọi là “*bây*”.

(d) *Chị chồng*: Vợ thằng Hoàng *bây* để tao giữ thằng nhỏ, xuống ghe coi có động tịnh gì không?

Em dâu: Dạ, chị Hai ơi, hồi nãy em xuống rồi!

Chị chồng: Thì tao nhắc vậy chớ *bây* coi rồi thì thôi!

Chị vợ cũng hiếm khi “được phép” gọi em rể bằng “*mây*”, vì lí do chung là “tế nhị”.

(e) *Chị vợ*: Thằng Dũng *bây* đi đâu mấy tháng nay mới ghé qua đây vậy?

Em rể: Em đi Long Xuyên mần ăn, bộ vợ em không nói chị hả?

Chị vợ: Vợ *bây* cũng có thấy mặt mũi gì đâu!

Nhận xét 1

a. “*Bây*” và “*mây*” là hai từ xưng hô tương ứng với “*bay*”, “*mây*” toàn dân. Đặc điểm chung của hai từ này là thân mật, suồng sã, gần gũi và thể hiện tính *ngang bằng*. Tuy nhiên, trong *văn hóa NB*, cụ thể là TNB, đặc điểm trên chỉ đúng khi họ sử dụng để giao tiếp với người *bên ngoài*. Còn với quan hệ em vợ-anh rể, chị dâu-em chồng, chị chồng-em dâu, và chị vợ-em rể thì cách xưng hô phải được lựa chọn nhằm đáp ứng yêu cầu về tế nhị, lịch sự, và đó là *văn hóa nhất*.

b. Sự lựa chọn, như đã thấy, là ngẫu nhiên, là *thói quen trong ứng xử bởi đó là văn hóa của TNB*; không có sự gượng ép mà đó là tập quán của cư dân vùng sông nước miền Tây. Nghe cách xưng hô giữa hai người, chúng ta xác định được mối quan hệ giữa họ. Đó chính là nhờ vào “tôn ti” của hai từ “*bây*” và “*mây*”.

2.2. “Chị-chế” và đặc điểm sử dụng

2.2.1. “Chị-chế” và mối quan hệ thân-sơ

Người TNB gọi chị ruột và chị dâu bằng “*chị*”, “*chế*” đều được. Còn với người ngoài, nếu áng chừng lớn tuổi hơn mình, thì gọi là “*chế*”, mà ít khi họ gọi là “*chị*”. Giải thích điều này, có 88 trong tổng số 117 người được hỏi (chiếm hơn 70%) cho rằng gọi “*chị*” là để phân biệt “người trong nhà”, còn gọi “*chế*” là để xác định vai vế. Chúng tôi cho rằng, ngoài lí do trên, cách gọi “*chị*” hay “*chế*” còn nhằm mục đích khác: giữ khoảng cách và thể hiện thái độ thăm dò và tạo thân mật của người nói. Với chị ruột và chị dâu, thì đó là “người trong nhà” nên việc giao tiếp phải giữ khoảng cách khi người giao tiếp là em trai.

4. (a) *Em trai: (Chị)* Hai cho em mượn quyển Luật Kinh tế này nghen!

Chị gái: Mấy mượn hồi nào trả? Mà phải giữ cẩn thận à nghen!

(b) *Em (trai) chồng: Chị* Ba có tài liệu nào nói về Lão tử không?

Chị dâu: *Bây* hỏi anh Ba *bây* thử coi...

Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy em chồng gọi chị dâu và em ruột gọi chị ruột là “*chị*” chiếm con số tuyệt đối 100%. Trong tổng số những câu chúng tôi thu thập được thì không có trường hợp nào gọi chị dâu là “*chế*”.

Có một điều khá thú vị trong văn hóa xưng hô: người được gọi bằng “*chị*” không mấy khi gọi người đang giao tiếp với mình bằng “*cung*” mà hoặc “*mây*”, “*bây*” như trong (2.2.1.); hoặc “*em*” nếu giữa hai người chưa thật sự thân thiết. Ngược lại, người được gọi bằng “*chế*” thì rất ít khi gọi người xưng hô với mình bằng “*em*”, mà hoặc “*mây*”, “*bây*”, hoặc “*cung*”. Mà, sắc thái của “*cung*” và “*em*” hoàn toàn khác nhau: “*em*” có sắc thái trung hòa, còn “*cung*” thì thiên về thân mật hơn.

2.2.2. “Chị-chế” và tuổi tác!

“*Chị*” hay “*chế*” còn để phân biệt tuổi tác: “*chị*” được gọi ở mọi độ tuổi, còn “*chế*” chỉ xuất hiện trong cách nói của những người dưới năm mươi và giữa người nói và người nghe không quá chênh nhau về tuổi. Với những người trên năm mươi tuổi, cách xưng hô này rất ít. Vì sao có sự phân biệt như trên? Có 68 trong tổng số 90 người được hỏi (chiếm hơn 75%) giải thích rằng cách gọi “*chị*” là chính thức, còn cách gọi “*chế*” là để

xã giao, thường có tính suồng sã, thân mật. Cho nên, không sử dụng “*ché*” để gọi với những người trên năm mươi tuổi. Cách lí giải này dựa trên nền tảng văn hóa của cộng đồng này. Gọi một người ngoài năm mươi một cách suồng sã sẽ là thiếu lịch sự. Cách gọi người khác trong giao tiếp là “*ché*” rất phổ biến ở NB nói chung và TNB nói riêng, nhưng không phải vì thế mà với bất kì đối tượng nào cũng có thể sử dụng. Gọi một người là “*ché*” hay một người tự xưng là “*ché*” thì mức độ thăm dò, khiêm nhường được bộc lộ rất rõ: có thể dựa vào những dấu hiệu bên ngoài cho rằng người đối diện lớn hoặc nhỏ hơn mình nên xưng hô như vậy nhưng không tự đặt mình ngang bằng với “*chị*” của người đối diện. Người TNB luôn ý thức được đặc điểm này nên trong giao tiếp, bao giờ họ cũng lựa chọn từ xưng hô cho phù hợp. Đó là sự lựa chọn mang tính tập quán, có văn hóa chứ không phải ngẫu nhiên. Chúng tôi cho rằng, nghiên cứu văn hóa TNB nên trước hết, bắt đầu từ đây.

Về phạm vi, “*chị*” có phạm vi sử dụng rộng hơn “*ché*” nhưng trong giao tiếp, nếu không phải ruột thịt thì ít khi người được gọi là “*chị*” lại xưng là “*chị*”, mà thường xưng là “*ché*”.

5.- *Người nhỏ tuổi hơn*: Bộ *chị* Hai định nói gì với tụi này hả?

Người lớn tuổi: *Chế* nói chuyện này cho mấy *cung* nghe...

Người nhỏ tuổi hơn: *Chị* Hai nói đi, lòng vòng hoài vậy!

Nhận xét 2

a. “*Chị-chế*” đều là những từ dùng để xưng hô, phân biệt thứ bậc trong giao tiếp ở TNB. Tuy nhiên, cách sử dụng hai từ này có những chỗ khác nhau. Nếu “*chị*” chỉ đơn thuần là phân biệt tôn ti thì “*ché*” ngoài chức năng đó còn có chức năng xác định thái độ thân mật. Đặc điểm này có thể được kiểm chứng bằng cách sử dụng từ “*cung*” trong câu.

b. Sử dụng “*ché*” khi gọi một phụ nữ lớn tuổi hơn đã trở thành phổ biến trong tất cả các cộng đồng cư dân miền TNB, dù xuất xứ của từ này là của người Hoa. Không sử dụng “*ché*” để gọi chị dâu.

2.3. “*Anh-hia*” và đặc điểm sử dụng

2.3.1. “*Anh-hia*” và quan hệ thân-sơ

Người TNB gọi một người đàn ông dưới bốn mươi tuổi là “*hia*” khi họ tin rằng người đó lớn hơn mình và là một người không có quan hệ họ hàng; hoặc đó là một người mới gặp lần đầu tiên. Giải thích về cách gọi này, có 150 người ở 6 tỉnh khi được hỏi thì tất cả đều cho rằng vì chưa thật sự biết được người đối diện lớn hơn hay nhỏ hơn mình nên phải gọi bằng “*hia*” mà không gọi bằng “*anh*”. Như vậy thì “*hia*” là từ được dùng với hai mục đích như “*ché*”: vừa có tính thăm dò, vừa thể hiện được thái độ lịch sự trong giao tiếp. Đây là một nét văn hóa của NB nói chung. Một người nào đó gọi người khác là “*hia*” thì mình phải xưng là “*em*” mà không thể khác hơn. Vậy, “*hia*” phải là “*anh*”.

6 - *Hia* mua dù em đi, sáng giờ ế quá!

- *Chế* có khô cá khoai không?

- Dạ có. *Hia* cần loại nào, em lấy cho, có 5 loại lận đó *hia*!

Vậy thì, phải chăng khi gọi một người là “*hia*”, người TNB đã xác lập: a) tôn ti với người đối diện; b) thái độ lịch sự; c) khẳng định người đối diện không có quan hệ ruột thịt (như “*ché*” trong (2.2.))?

Với “*hia*” và “*anh*”, chúng tôi nhận thấy một điều thú vị là rất ít khi người ta xưng “*hia*” với người đối diện mà thường xưng “*anh*”. Đặc điểm này khác với “*ché*” và “*chị*” ở trên. Xét về phạm vi sử dụng thì “*hia*” được sử dụng hẹp hơn “*ché*”, nhưng lại giống với “*ché*” ở chỗ, khi một người xưng “*hia*” thì thường gọi người đang nói chuyện với mình là “*cung*” hơn là “*em*”.

2.3.2. “*Anh-hia*” và tuổi tác

Văn hóa của người TNB quy ước chỉ có thể gọi là “*hia*” với những người đàn ông dưới bốn mươi mà thường không như vậy với người lớn hơn. Vì sao? Có phải người TNB tuy xuê xòa, dễ dãi nhưng vẫn có những nguyên tắc nhất định trong ứng xử? Khi gọi một người là “*hia*” thì như đã nói, chưa chắc người đó đã lớn tuổi hơn mình, chỉ vì lịch sự trong xã giao mà gọi như vậy. Nói cách khác, giữa người được gọi là “*hia*” với người tự xưng là “*em*” hoàn toàn có thể hoán chuyển cách xưng hô, giống như cách gọi “*anh*” xưng “*em*” giữa những người không có quan hệ thân tộc. Tuy nhiên, khi sử dụng “*anh*” thì mức độ thân mật, ngang bằng không xuất hiện như

với “hia”. Ngược lại, “hia” tuy vẫn nghiêm túc, tôn trọng và lịch sự nhưng lại mang sắc thái thân mật, suông sã nên có lẽ vì thế mà người TNB không mấy khi gọi người trên năm mươi là “hia”; bởi, với những đối tượng trên, họ phải được *tôn trọng* đúng mực. Vậy thì, không còn nghi ngờ gì nữa, *đây là ứng xử văn hóa* của người TNB, là *văn hóa của cư dân vùng sông nước*.

Ngoài ra, cũng giống như “ché”, trong một ngữ cảnh là mới quen, một người xưng mình là “hia” còn tỏ thái độ khiêm nhường, vì “hia” tuy có thể lớn hơn người đối diện nhưng “không dám” đặt mình ngang bằng với “anh” của người đối diện.

Nhận xét 3

a. Cũng như “ché”, “hia” là từ vay mượn và được sử dụng rộng rãi trong cộng đồng người TNB. Đặc điểm sử dụng của “hia” có nhiều chỗ giống “ché” như về tuổi tác, quan hệ thân-sơ, v.v. “Hia” không dùng để gọi anh rể và rất ít khi được sử dụng để gọi anh ruột.

b. “Hia” khác với “ché” ở chỗ, có thể sử dụng “ché” để “xưng” hoặc “hô”, nhưng với “hia”, thường chỉ “hô” mà rất ít khi “xưng”. Đây cũng là nét văn hóa của người TNB.

3. Kết luận

1. “Bay”, “mày”, “chị”, “anh” là những từ toàn dân. Khi đi vào đời sống của cư dân vùng sông nước miền Tây Nam bộ, những từ này có thể biến âm ở vắn, và khi dùng, chúng thể hiện những giá trị, ý nghĩa riêng của mình, đôi khi rất khác so với cách sử dụng toàn dân.

2. “Chế” và “hia” đều là những từ vay mượn của cộng đồng người Hoa nhưng được sử dụng rộng rãi trong cộng đồng các dân tộc khác ở TNB, và ở hầu hết các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

3. Người TNB ý thức rất rõ khi nào sử dụng “chị-chế”, khi nào là “anh-hia” và khi nào là “bây-mây”. Cách sử dụng này không phải là cách ứng xử “lâm thời” mà là *thói quen*, là *văn hóa* của họ - trước hết là văn hóa phân biệt trong ứng xử - một thứ văn hóa có từ nhiều đời, làm thành nét riêng của con người NB.

Nếu khảo sát thêm những cặp từ khác trong lớp từ xưng hô của người miền Tây Nam bộ,

chắc chắn sẽ còn nhiều thú vị. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này trong những bài viết tiếp theo.

CHÚ THÍCH

^(*) Thường xuất hiện ở những cặp vợ chồng từ bốn mươi tuổi đến dưới năm mươi tuổi. Với những cặp vợ chồng trẻ hơn hoặc ở khu vực thành thị, những công chức thì cách xưng hô này tuy có nhưng ít hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Lâm Uyên Ba (2003), *Từ chỉ quan hệ thân tộc của tiếng Tiều được sử dụng trong tiếng Việt ở địa phương cực Tây Nam bộ*. Ngôn ngữ & Đời sống, số 8.

2. Nguyễn Trọng Báu (2006), *Các đối tượng văn hóa và ngôn ngữ chào hỏi của người Việt*. Ngôn ngữ & Đời sống, số 4.

3. Nguyễn Thiện Giáp (2008), *Nghiên cứu giao tiếp phi ngôn từ qua các nền văn hóa*. Tạp chí Ngôn ngữ, số 7.

4. Hồ Xuân Mai (2004), *Phương ngữ Nam bộ qua từ xưng hô, từ chỉ mức độ và ngữ khí từ (khảo sát trên cơ sở liệu báo Phụ nữ Tân văn)*. Tạp chí Khoa học Xã hội số 7.

5. Hồ Xuân Mai (2010), *Hai đặc điểm ngữ pháp trong câu giao tiếp của người Nam bộ*, Tạp chí Khoa học Xã hội, số 7.

6. Đào Nguyễn Phúc (2003), *Quan hệ người nói - người nghe và cách xưng hô trong tiếng Việt*. Ngôn ngữ & Đời sống, số 5.

7. Đào Thân (2001), *Phương ngữ Nam bộ - tiếng nói của quê hương vùng cực Nam của Tổ quốc*. Ngôn ngữ & Đời sống, số 1+2.

8. Mai Thanh Thắng (2005), *Kìa, kìa, kìa, kìa trong cách nói của người Nam bộ*. Ngôn ngữ & Đời sống, số 9.

9. Bùi Đức Tịnh (1976), *Sự phát triển về từ vựng của tiếng Việt ở miền Nam từ đầu thế kỷ XVII đến 1975* (bản đánh máy).

10. Nguyễn Thế Truyền (2002), *Người Nam Bộ xài từ*. Ngôn ngữ & Đời sống, số 12.

Ngữ liệu trích dẫn:

1. Ngô Tất Tố (2002), *Tắt đèn*. NXB. Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng.

2. Tố Hữu, “Từ Cuba” (thơ), NXB. Văn học, 1996.

3. Báo Phụ nữ Tân văn.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 18-05-2012)